

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày: 09/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hoàng.

Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lan;
2. Ông Nguyễn Hồng Hoai;
3. Ông Nguyễn Văn Khỏe;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Xuân Tùng và bà Đặng Bảo Hằng;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

1. Ông Phạm Hải Càng - Kiểm sát viên;
2. Bà Nguyễn Hoàng Anh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02, 03 và 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 09 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐ-ST ngày 22/09/2021 và Thông báo dời ngày xét xử số 58/2021/TB-XX ngày 15/10/2021 đối với các bị cáo:

1. **Hồ Minh N**, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07/02/1973, tại Thành Phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: Số 46Bis, đường T, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số 18, đường H, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp Không; Cha: Hồ Văn B (không rõ năm sinh); Mẹ: Lê Thị C, sinh năm 1948; Anh, chị, em: Có 02 người, bị cáo là người thứ 2; Vợ: Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1981; Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống chung cha mẹ, học đến lớp 6 nghỉ, phụ giúp gia đình.

+ Ngày 19/9/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về hai tội: “*Trộm cắp tài sản của công dân*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Chấp hành xong ngày 02/4/2002.

+ Ngày 12/8/2004, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Chấp hành xong ngày 28/4/2005 (đặc xá).

+ Ngày 05/8/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về hai tội: “*Trộm cắp tài sản của công dân*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Chấp hành xong ngày 18/01/2014.

+ Ngoài ra, năm 1994, bị Công an Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố, truy nã về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Hiện Công an Quận 3 đã phục hồi điều tra vụ án, bị can nhưng chưa xử lý.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang tạm giam từ ngày 04/7/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn G (Trương Văn G), Giới tính: Nam; Sinh năm: 1980, tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Nơi thường trú: Ấp N, xã M, huyện X, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Ấp T, xã H, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Trương Văn Đ, sinh năm 1934; Mẹ: Trần Thị Đ, sinh năm 1949; Anh, chị, em: Có 03 người, bị cáo là người thứ 3; Vợ: Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1992; Có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015.

Quá trình nhân thân:

Từ nhỏ sống chung cha mẹ, không được đi học, làm thuê phụ giúp gia đình.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 04/7/2020 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa:*

- Luật sư Nguyễn Trọng B - Văn phòng luật sư Phan Thị V thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Hồ Minh N. (có mặt)

Địa chỉ: Lô 4C3KDC, phường B, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Luật sư Cô Lê H, Luật sư Trần Hảo T - Công ty Luật TNHH Đại Việt thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Hồ Minh N. (có mặt)

Địa chỉ: Số 2 đường L, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- Luật sư Huỳnh Thảo L – Văn phòng luật sư Hồ Hoàng Phụng thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Trần Văn G. (vắng mặt)

- Luật sư Nguyễn Quang V , Luật sư Đặng Quốc H - Công ty Luật TNHH Đại Việt thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Văn G. (có mặt)

Địa chỉ: Số 2 đường L, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/7/2020, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu LB phối hợp với Chi cục Hải quan cửa khẩu KB và Công an thị trấn LB tổ chức tuần tra kiểm soát tại khu vực trạm xe khách Hùng Cường thuộc ấp T, thị trấn LB , huyện An Phú, tỉnh An Giang, phát hiện Trần Văn G (Trương Văn G), Hồ Minh N (Lùn) có biểu hiện nghi vấn nhập cảnh trái phép nên tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện G cất giấu trên người và trong túi xách 04 bánh hình chữ nhật (kích thước 10 x 15,5 x 2,5cm) chứa chất bột màu trắng cùng 01 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng; còn N cất giấu trên người 02 bánh hình chữ nhật (kích thước 10 x 15,5 x 2,5cm) chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng, tạm giữ 02 điện thoại di động, giấy tờ tùy thân và các vật dụng khác của G, N để xử lý.

Quá trình điều tra, xác định:

Khoảng ngày 24/6/2020, Hồ Minh N được Tuấn (không rõ họ, địa chỉ) quen biết trong thời gian chấp hành án tại Trại giam Châu Bình - Bộ Công an cho biết đang hành nghề môi giới mại dâm tại Campuchia thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng và Tuấn gợi ý rủ N sang Campuchia làm chung nên N rủ thêm Trần Văn G đi cùng. Trưa ngày 03/7/2020, sau khi Tuấn liên lạc, hướng dẫn cách thức qua biên giới, N thuê xe Taxi chở N và G đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực biên giới thuộc xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang, cả hai đi đò ra một chiếc tàu lớn neo đậu trên sông và xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Khi sang Campuchia, N và G được người của Tuấn đưa đến một nhà nghỉ (không nhớ rõ địa chỉ) để ăn uống, nghỉ ngơi, tại đây N hỏi thì được người dẫn đường cho biết Tuấn bận việc không đến được, sẽ gặp N và G sau.

Đến chiều ngày 04/7/2020, đối tượng tên Bảy (không rõ họ, địa chỉ) đến gặp G và N gợi ý thuê vận chuyển “**đồ**” (ma túy) từ Campuchia về Thành phố Hồ Chí Minh giao lại cho người khác, Bảy sẽ trả công cho Giang 15.000.000 đồng, cho N 6.000.000 đồng thì cả hai đồng ý. Khi đó, Bảy kêu người lạ dùng băng keo quấn 02 bánh heroine vào người N và 02 bánh heroine vào người G, đồng thời Bảy trả tiền công trước cho N 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 để liên lạc giao ma túy, rồi đưa N và G ra xe ô tô để chở về Việt Nam. Khi đến khu vực gần biên giới Việt Nam, cả hai xuống xe thì tài xế xe ô tô đưa tiếp cho G cất giữ 01 túi

đeo bên trong có đựng 02 bánh heroine và 01 bọc nylon chứa ma túy. Sau đó, cả hai đi xe honda đầu nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đến trạm xe khách Hùng Cường tại thị trấn LB để đón xe đi Thành phố Hồ Chí Minh giao ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang.

Ngày 10/7/2020, N và G bị khởi tố, tạm giam để điều tra.

Căn cứ Kết luận giám định số 156/KLGD-P09(MT) ngày 06/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, ghi nhận:

- 04 bọc nylon chứa chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Trần Văn G là ma túy, loại **Heroine**, có khối lượng **1.385,45 gam** và 01 bọc nylon chứa chất tinh thể trắng thu giữ khi bắt quả tang Trần Văn G là ma túy, loại **Methamphetamine**, có khối lượng **995 gam**.

- 02 bọc nylon chứa chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Hồ Minh N là ma túy, loại **Heroine**, có khối lượng **701,7 gam**.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Hồ Minh N và Trần Văn G khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKSAG-P1 ngày 29/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Hồ Minh N, Trần Văn G về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên các bị cáo cho rằng không biết và không nhận thức được việc “hàng hóa” mà mình vận chuyển là ma túy và phạm tội trong điều kiện bị đối tượng Bảy đe dọa, ép buộc phải thực hiện. Lời nói sau cùng các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

* Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Trên cơ sở đánh giá tình tiết chứng cứ của vụ án, lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, đã đủ căn cứ để kết luận các bị cáo đã phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm h, khoản 4 điều 250 của Bộ luật hình sự. Sau khi xem xét các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39, Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo N và bị cáo G với hình phạt là tù chung thân.

Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với tang vật của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án là số ma túy bị thu giữ và các vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội mà không có giá trị sử dụng.

- Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng trắng, số IMEI: 359181074656658, bên trong có gắn 01 sim Mobiphone đã qua sử dụng của Hồ Minh N, được xác định là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu và sung công quỹ nhà nước.

- Đối với điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đen số IMEI: 352894105760060 có 01 sim số thuộc nhà mạng Mobiphone đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn G, 01 cái bóp da màu đen đã qua sử dụng do xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo G.

- Trả lại các loại tài sản, giấy tờ cá nhân của bị cáo N do không liên quan đến hành vi phạm tội

Đối với số tiền 3.000.000đ, được đối tượng Bảy trả cho bị cáo N được xác định là khoản thu lợi bất chính do phạm tội mà có nên buộc bị cáo giao nộp lại và tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

* Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo Hồ Minh N, ông Nguyễn Trọng B thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên đề nghị Viện kiểm sát cần căn nhắc về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án, cũng như việc dùng tổng lượng ma túy bị thu giữ để xem xét trách nhiệm hình sự chung cho các bị cáo. Về các tình tiết giảm nhẹ: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ được nêu trong nội dung cáo trạng, bị cáo còn xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình và cũng một phần xuất phát từ hoàn cảnh khách quan đó là dịch bệnh diễn biến phức tạp, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định. Trên cơ sở những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử có thể xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị, có thể là tù có thời hạn.

* Luật sư bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Hồ Minh N, ông Trần Hảo T thống nhất với Kiểm sát viên về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên cần xem xét lại việc áp dụng điểm khoản của điều luật mà cụ thể là áp dụng điểm b khoản 4 của điều 250 đối với bị cáo N. Bởi lẽ số ma túy bị thu giữ trên người của bị cáo chỉ là 701,7 gam heroin và không thể quy kết trách nhiệm bị cáo với tổng lượng ma túy bị thu giữ cùng với bị cáo G, bởi lẽ hành vi của các bị cáo là hoàn toàn độc lập với nhau. Điều này xuất phát từ việc khi Bảy giao ma túy cho N và G là hoàn toàn tách biệt, khi quán vào người G thì không có mặt N và ngược lại. Việc trao đổi giữa Bảy và các bị cáo, cá nhân mỗi bị cáo không nghe được và không nhìn thấy nhau. Việc xác định N và G là đồng phạm của nhau là chưa thật sự thỏa đáng, mà trong vụ án này N và G là đồng phạm của Bảy nhưng N và G không phải là đồng phạm của nhau. Về tố tụng: Cơ quan điều tra chưa điều tra và làm rõ về đối tượng Tuấn mà bị cáo N đã khai, vì đây là đầu mối quan trọng của vụ án. Ngoài ra Hội đồng xét xử cũng cần xem xét, đánh giá việc các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội trong điều kiện bị cưỡng bức, đe dọa như lời các bị cáo đã trình bày. Về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo N, Luật sư bào chữa thống nhất và không có ý kiến tranh luận.

* Luật sư bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Trần Văn G, ông Đặng Quốc H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và cân nhắc những vấn đề của vụ án: Thứ nhất về mặt ý chí các bị cáo sang Campuchia có phải nhằm mục đích vận chuyển ma túy hay không? Theo lời khai là chỉ nhằm để chở gái mại dâm và điều này phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đó là không ai đi vận chuyển ma túy mà mang theo giấy tờ tùy thân như hai bị cáo. Về tình tiết có hay không có sự đe dọa từ đối tượng Bảy, về nội dung này cả hai bị cáo đều có lời khai giống nhau và cả hai đều có cùng ý định là khi về Việt Nam trong điều kiện thuận lợi sẽ trình báo với cơ quan chức năng, tuy nhiên chưa thực hiện được thì bị bắt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử có thể xem xét chuyển tội danh từ vận chuyển sang tàng trữ trái phép chất ma túy. Việc trên đường đi các đối tượng là đàn em của Bảy đã đưa cho G mang thêm túi đeo quai chéo và bọc nylon có chứa chất ma túy là việc làm ngoài ý muốn. Do đó buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số ma túy này là chưa phù hợp. Về tố tụng: Trong vụ án này đối tượng Tuấn là một mắt xích quan trọng nhưng Cơ quan điều tra không tiến hành các hoạt động tố tụng gì liên quan đến đối tượng Tuấn. Ngoài ra trong hồ sơ với nhiều bản cung do cơ quan điều tra tiến hành có nhiều chỗ bị sửa chữa, tẩy xóa nhưng không được ký xác nhận, bị cáo G không biết chữ nhưng trên dấu lăn tay có một số chỗ lại có chữ ký đề lên và chữ viết ghi họ và tên. Mặc dù các sai sót này không quá nghiêm trọng nhưng cũng cần được nêu lên để Hội đồng xét xử có xem xét và đánh giá. Về tình tiết giảm nhẹ: Ngoài các tình tiết mà các Luật sư đồng nghiệp đã nêu đề nghị Hội đồng xét xử có cân nhắc đến việc các bị cáo phạm tội trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và có thể áp dụng cho các bị cáo tình tiết: “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” được quy định tại điểm g khoản 01 điều 51 của Bộ luật hình sự.

* Luật sư bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Trần Văn G : Về cơ bản thống nhất với lời bào chữa của các Luật sư đồng nghiệp: Chỉ bổ sung một số nội dung để Hội đồng xét xử có quan tâm xem xét, đó là các bị cáo phạm tội trong điều kiện bị đe dọa, cưỡng bức và đã thể hiện ý chí là sẽ trình báo đến các cơ quan chức năng khi điều kiện cho phép. Điều đó cho thấy là đã có sự biến đổi về mặt ý chí. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử có thể xem xét chuyển tội danh cho các bị cáo từ vận chuyển sang tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến đối đáp với lời bào chữa của các Luật sư: Về cơ bản ý kiến của các Luật sư bào chữa có các nội dung chính và Viện kiểm sát sẽ đối đáp lại từng nội dung sau:

Về vấn đề đồng phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trước hết cần phải khẳng định đây là một vụ án có tính chất đồng phạm, bởi lẽ các bị cáo đi cùng nhau trên cùng phương tiện, phương thức và cách thức di chuyển từ thành phố Hồ Chí Minh đến Campuchia. Các bị cáo nhận ma túy từ một ông chủ là đối tượng Bảy và về cùng nhau, với cùng một phương thức di chuyển, đưa đón, chi phí cho chuyến đi là do N chi trả. Khi về là do N mua vé xe cho G về, nếu không có N thì liệu G có về lại thành phố Hồ Chí Minh được hay không?.

Khi giao ma túy cho N, Bảy đã đưa cho N điện thoại để khi về lại thành phố

có người nhận lại ma túy mà không đưa cho G và Bảy cũng không biết số điện thoại của G. Như vậy thì G sẽ giao ma túy cho ai và bằng cách nào, tất cả đều phải qua bị cáo N, đây là tình tiết rất rõ ràng để chứng minh đồng phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Trong vụ án này bị cáo N giữ vai trò là người thực hành tích cực, chính bị cáo là người rủ rê, lôi kéo bị cáo G vào con đường phạm tội. Nếu không có bị cáo N thì bị cáo G không thể sang Campuchia được và bị cáo đã lo cho G về phương tiện, chi phí đi lại và mua vé xe để cùng bị cáo trở lại thành phố Hồ Chí Minh.

Về vấn đề chuyển tội danh mà các Luật sư đã nêu: Hoàn toàn không có căn cứ để chuyển tội danh từ tội vận chuyển sang Tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì hành vi khách quan của các bị cáo là vận chuyển ma túy từ địa điểm này đến địa điểm khác đã đủ yếu tố cấu thành phạm. Việc các Luật sư cho rằng khi về Việt Nam các bị cáo đã có ý định trình báo với cơ quan chức năng nhưng chưa kịp thực hiện thì đã bị bắt giữ, lập luận này là thiếu thuyết phục, bởi lẽ khoảng thời gian, quãng đường di chuyển khi sang Việt Nam đến trạm xe Hùng Cường là đủ, nếu các bị cáo muốn thực hiện điều đó. Thực tế là nếu không bị phát hiện và bắt giữ thì số ma túy này đã về đến thành phố Hồ Chí Minh, thì hậu quả hành vi phạm tội là rất nghiêm trọng.

Về việc các Luật sư cho rằng Cơ quan điều tra đã không tiến hành các biện pháp điều tra, nghiệp vụ đối với đối tượng Tuấn theo lời khai của bị cáo N. Xét thấy rằng thực tế thì bị cáo N cũng không xác định được đối tượng Tuấn là ai, mặc dù đã tiến hành cho bị cáo nhận dạng, bị cáo chỉ xác định được Tuấn dùng số điện thoại có đuôi là 73. Đối tượng Tuấn cũng chỉ là qua lời khai của bị cáo N và cơ quan điều tra cũng đã thực hiện các biện pháp điều tra nhưng không làm rõ được. Tuy nhiên với quyết tâm phòng chống tội phạm, các cơ quan tố tụng sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau, với tinh thần tội phạm đến đâu xử lý đến đó.

Về các tình tiết giảm nhẹ : Khi đề nghị mức hình phạt Viện kiểm sát cũng đã cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ dành cho các bị cáo, các Luật sư cho rằng cần áp dụng tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” được quy định tại điểm g khoản 01 điều 51 của Bộ luật hình sự là không thể chấp nhận, bởi vì dịch bệnh là khó khăn chung mà cả thế giới và Việt Nam ta đều phải đối mặt nhưng không vì khó khăn này mà phải thực hiện hành vi phạm tội, thực tế có nhiều người cũng đã vất vả mưu sinh bằng nhiều nghề khác nhau ngay trong thời điểm dịch bệnh xảy ra. Nếu lập luận như các Luật sư thì sẽ có thêm nhiều người tham gia vận chuyển ma túy?.

Về mức hình phạt: Khi đề nghị mức hình phạt tù chung thân dành cho các bị cáo Viện kiểm sát cũng đã cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ, về nhân thân của các bị cáo và cũng trên tinh thần nhân đạo của pháp luật của chế độ ta. Bởi lẽ với quy định của pháp luật hiện hành thì chỉ với mức từ 100 gam Heroine, Methamphetamine trở lên là các bị cáo đã phải chịu mức án cao nhất là tử hình.

Với những quan điểm và lập luận như trên Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh và hình phạt dành cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Về việc có mặt và vắng mặt của người bào chữa tại phiên tòa: Tại phiên tòa các luật sư Nguyễn Trọng B, Cồ Lê H, Trần Hảo T, Đặng Quốc H, Nguyễn Quang V đều có mặt. Riêng luật sư Huỳnh Thảo L là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Văn G vắng mặt, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai. Tuy nhiên bị cáo G vẫn đồng ý tiến hành việc xét xử và đồng ý việc bào chữa của hai luật sư Nguyễn Quang V và Đặng Quốc H.

Tại phiên tranh luận vào chiều ngày 03/11/2021, vì lý do sức khỏe luật sư Cồ Lê H vắng mặt, bị cáo N đồng ý việc vắng mặt của luật sư H và đồng ý việc đề cho hai luật sư B và T trình bày lời bào chữa và tham gia tranh luận cùng Viện kiểm sát.

Xét thấy việc vắng mặt của người bào chữa luật sư Huỳnh Thảo L cũng như việc luật sư Cồ Lê H vắng mặt tại phiên tranh tụng, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và quyền bào chữa của các bị cáo vẫn được bảo đảm, do đó phiên tòa vẫn được tiến hành theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra; phù hợp với nội dung diễn biến của vụ án; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 04/7/2020; Kết luận giám định số 156/KLGĐ-P09(MT) ngày 06/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang; các biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng. Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Có đầy đủ căn cứ xác định: Các bị cáo Hồ Minh N, Trần Văn G đã có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy, khối lượng ma túy bị bắt quả tang thu giữ là 3.082,15 gam bao gồm 2.087,15 gam heroine và 995 gam Methamphetamine. Trong đó, thu giữ được trong người của G là 1.385,45 gam heroine và 995 gam Methamphetamine, thu giữ được trong người của N là 701,7 gam heroine.

Căn cứ vào quy định của pháp luật thì hành vi của các bị cáo Hồ Minh N, Trần (Trương) Văn G đã phạm tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo Hồ Minh N, Trần Văn G đều là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt, lẽ ra các bị cáo phải chăm chỉ lao động để tạo ra của cải vật chất, nuôi sống bản thân và gia đình. Tuy nhiên với bản chất lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn cho những nhu cầu của cá nhân, các bị cáo đã bất chấp tất cả, thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy từ Campuchia vào lãnh thổ Việt Nam để hưởng lợi là tiền công của các “tên trùm” từ bên kia biên giới. Hành vi của các bị cáo đã xem thường pháp luật, bất chấp pháp hậu quả xảy ra cho xã hội.

Bản thân các bị cáo phải nhận thức được hành vi của mình là rất nguy hiểm, bởi lẽ ma túy là chất độc hại, việc sử dụng ma túy sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người, thậm chí là tử vong nếu quá liều lượng, ảnh hưởng đến sự phát triển giống nòi của dân tộc, ma túy là nguyên nhân chính dẫn đến các tệ nạn xã hội khác như trộm, cướp, giết người là nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, phá tán tài sản, gây kiệt quệ về kinh tế và những hệ lụy khác, tác hại của ma túy là cực kỳ lớn cho xã hội. Hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự trị an nơi biên giới vốn đang phức tạp và trong thời điểm, điều kiện cả nước phải căng mình phòng chống dịch bệnh Covid 19 đang diễn biến phức tạp. Các bị cáo đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng với số lượng ma túy vận chuyển là đặc biệt lớn là 3.082,15 gam ma túy các loại với khung hình phạt cao nhất là tử hình được quy định tại điểm h khoản 4 điều 250 Bộ luật hình sự với quy định: “Phạm tội thuộc các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình: h) Heroine, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 100 gam trở lên”

Trước hết cần phải xác định đây là một vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều giữ vai trò là người thực hành. Các bị cáo đã thực hành vi phạm tội với một phương thức giống nhau về hành trình, cách thức và phương tiện di chuyển, các bị cáo nhận ma túy từ một “ông chủ” và cùng về Việt Nam với một lịch trình đã được sắp đặt sẵn. Khi sang bờ Việt Nam bị cáo N đã mua vé xe cho bị cáo G để cả hai cùng về. Theo “kế hoạch” đã được vạch ra từ trước, khi về thành phố Hồ Chí Minh sẽ có người đón và nhận lại ma túy từ đầu mối là bị cáo N. Bờ lý lẽ đối tượng Bầy chỉ giao điện thoại cho bị cáo N mà không giao cho bị cáo G và cũng không biết số điện thoại của G. Nếu không có N thì G sẽ giao ma túy cho ai mà chắc chắn một điều là “hàng hóa” có giao thì phải có nhận, số ma túy mà bị cáo G mang trong người là rất lớn lên đến 2.380,45 gam và nếu tính ra giá trị bằng tiền thì đó là một con số không nhỏ. Mặc dù tại phiên tòa các bị cáo đôi lúc quanh co để né tránh trách nhiệm, hòng giảm nhẹ tội nhưng tất cả những gì có được trong

vụ án đã chứng minh tính chất đồng phạm trong vụ án. Từ đó cũng bác bỏ quan điểm của các Luật sư khi cho rằng các bị cáo đã phạm tội một cách đơn lẻ mà không có đồng phạm.

Trong vụ án này bị cáo Hồ Minh N là người giữ vai trò chính, người người thực hành tích cực nhất, chính bị cáo là người sau khi đã được đối tượng Tuấn là bạn tù trước đây, gợi ý sang Campuchia để cùng “làm ăn”, N đã nhận lời và sau đó N đã rủ rê, lôi kéo thêm G và chính N đã chủ động trong việc thuê, trả tiền xe và liên hệ với Tuấn về phương thức di chuyển, đi lại từ Việt Nam sang Campuchia. Khi đến Campuchia thì cả hai cùng thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy theo sự sắp đặt của đối tượng Bảy. Nếu việc vận chuyển trót lọt thì N cũng sẽ là đầu mối để các đối tượng tại thành phố Hồ Chí Minh nhận lại ma túy.

Đối với bị cáo Trần Văn G là đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, khi nghe bị cáo N gợi ý, rủ rê, lôi kéo bị cáo đã nhận lời và cùng với N sang Campuchia để thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy nhằm mục đích để nhận được tiền công từ đối tượng Bảy.

Từ những phân tích như trên xét thấy rằng cả bị cáo N và bị cáo G cùng phải chịu trách nhiệm hình sự chung với số lượng ma túy mà cả hai cùng bị phát hiện và bắt giữ với khối lượng là 3.082,15 gam.

Mặc dù lượng ma túy thu giữ được trong người của G là cao hơn lượng ma túy thu giữ được trong người của N. Tuy nhiên điều này cũng chỉ có ý nghĩa tương đối và Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Xét về vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thì bị cáo N có vai trò tích cực hơn và nguy hiểm hơn so với bị cáo G. Chính bị cáo là người đã rủ rê, lôi kéo và chuẩn bị về mọi điều kiện để cùng bị cáo G sang Campuchia thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo G thực hiện hành vi phạm tội trong điều kiện, hoàn cảnh do bị cáo N rủ rê, lôi kéo với lời hứa hẹn ban đầu là sang Campuchia để “làm ăn”, nhưng thực tế thì để thực hiện hành vi “vận chuyển trái phép chất ma túy”.

* Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, có cuộc sống khó khăn, ít học, ít hiểu biết nên trình độ nhận thức về mặt pháp luật vẫn còn hạn chế.

Xét về nhân thân thì bị cáo N là người có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân các địa phương của thành phố Hồ Chí Minh xét xử 03 lần với các tội danh khác nhau với các mức hình phạt khác nhau, mặc dù hiện nay tất cả đã được xóa án tích. Ngoài ra hiện nay bị cáo đang bị Công an quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh phục hồi điều tra về hành vi: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” xảy ra từ năm 1994. Tuy nhiên bị cáo có ông ngoại là ông Lê Hồng H người có công với đất nước được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo cũng là lao động chính trong gia đình để nuôi 05 đứa con, trong đó đứa nhỏ nhất chỉ mới sinh năm 2018.

Riêng bị cáo G thì có nhân thân tốt mới lần đầu phạm tội, bị cáo là lao động chính trong gia đình phải nuôi hai con nhỏ, trong đó nhỏ nhất sinh năm 2015. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

Từ tất cả tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Các bị cáo đã phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, số lượng ma túy mà các bị cáo vận chuyển trái phép là đặc biệt lớn và nếu hành vi phạm tội không được ngăn chặn kịp thời sẽ gây ra hậu quả rất lớn cho xã hội.

Lẽ ra cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm khắc nhất, với khung hình phạt cao nhất nhưng Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của hai bị cáo và cho hai bị cáo con đường sống để những người vợ và những đứa con thơ, những người làm cha mẹ không vĩnh viễn mất đi người chồng, người cha và những người con của mình. Đây cũng là thể hiện sự khoan hồng, bao dung, chính sách nhân đạo của Nhà nước và chế độ ta. Tuy nhiên cũng cần cách ly các bị cáo vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo đều xuất thân từ thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Đối với hành vi xuất nhập cảnh trái phép của bị cáo Hồ Minh N và Trần Văn G là vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần công khai giáo dục tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra đã thu giữ được nhiều vật chứng nên cần phân hóa xử lý như sau:

* Tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án là số ma túy bị thu giữ và các vật chứng các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội mà không có giá trị sử dụng bao gồm:

- 01 (một) hộp được niêm phong hộp số 1 (Vụ số: 156/KLGT- PC09(MT) ngày 06 tháng 7 năm 2020 có in hình dấu tròn màu đỏ của Đoàn biên phòng cửa khẩu Long Bình thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Trương Công Toàn và Nguyễn Mạnh Long.

- 01 (một) hộp được niêm phong hộp số 2 (Vụ số: 156/KLGT- PC09(MT) ngày 06 tháng 07 năm 2020 có in hình dấu tròn màu đỏ của Đoàn biên phòng cửa khẩu Long Bình thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Trương Công Toàn và Nguyễn Mạnh Long.

- 05 (năm) miếng vải màu đen được may lại thành túi, đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi đeo quai chéo chất liệu vải màu xám, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) miếng vải được may lại thành túi đã qua sử dụng.

- 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình số 1268 tên chủ hộ là Trần Thị Đẹt (bản phô tô không công chứng)

- 01 (một) giấy khai sinh tên Trương Văn G, sinh năm: 1980, nơi sinh: Mỹ Thành Bắc, Cai Lậy, Tiền Giang (bản phô tô không công chứng)

* Tịch thu và sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng trắng, số IMEI: 359181074656658, bên trong có gắn 01 sim Mobiphone đã qua sử dụng của Hồ Minh N (đã kiểm tra và niêm phong ghi vụ số 168/KLGT-PC09 ngày 09/10/2020, kí hiệu A1) được xác định là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

* Trả lại các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đen số IMEI: 352894105760060 có 01 sim số thuộc nhà mạng Mobiphone đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn G (đã kiểm tra và niêm phong ghi vụ số 168/KLGT-PC09 ngày 09/10/2020, kí hiệu A2); 01 bóp da màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn G.

- Các loại tài sản, giấy tờ cá nhân của bị cáo Hồ Minh N: 01 cái bóp da màu đen đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân số 079073005814 cấp ngày 07/07/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Các loại vật chứng được quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/04/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng đối tượng Bảy trả cho bị cáo N được xác định là khoản thu lợi bất chính do phạm tội mà có, buộc bị cáo giao nộp lại và tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Hồ Minh N, Trần Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Lời bào chữa của các luật sư được Hội đồng xét xử xem xét trong lúc nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Minh N, Trần Văn G cùng phạm tội: “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Hồ Minh N tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam ngày 04/07/2020.

Bị cáo Trần (Trương) Văn G tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để tạm giam ngày 04/07/2020.

2. Căn cứ Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

* Tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án là số ma túy bị thu giữ và các vật chứng các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội mà không có giá trị sử dụng bao gồm:

- 01 (một) hộp được niêm phong hộp số 1 (Vụ số: 156/KLGT- PC09(MT) ngày 06 tháng 7 năm 2020 có in hình dấu tròn màu đỏ của Đoàn biên phòng cửa khẩu Long Bình thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Trương Công Toàn và Nguyễn Mạnh Long.

- 01 (một) hộp được niêm phong hộp số 2 (Vụ số: 156/KLGT- PC09(MT) ngày 06 tháng 07 năm 2020 có in hình dấu tròn màu đỏ của Đoàn biên phòng cửa khẩu Long Bình thuộc Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ Hà, Trương Công Toàn và Nguyễn Mạnh Long.

- 05 (năm) miếng vải màu đen được may lại thành túi, đã qua sử dụng.

- 01 (một) túi đeo quai chéo chất liệu vải màu xám, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) miếng vải được may lại thành túi đã qua sử dụng.

- 01 (một) sổ hộ khẩu gia đình số 1268 tên chủ hộ là Trần Thị Đẹt (bản phô tô không công chứng)

- 01 (một) giấy khai sinh tên Trương Văn G, sinh năm: 1980, nơi sinh: Mỹ Thành Bắc, Cai Lậy, Tiền Giang (bản phô tô không công chứng)

* Tịch thu và sung công quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng trắng, số IMEI: 359181074656658, bên trong có gắn 01 sim Mobiphone đã qua sử dụng của Hồ Minh N (đã kiểm tra và niêm phong ghi vụ số 168/KLGT-PC09 ngày 09/10/2020, kí hiệu A1) là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

* Trả lại các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 106 màu đen số IMEI: 352894105760060 có 01 sim số thuộc nhà mạng Mobiphone đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn G (đã kiểm tra và niêm phong ghi vụ số 168/KLGT-PC09 ngày 09/10/2020, kí hiệu A2); 01 bóp da màu đen đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn G.

- Các loại tài sản, giấy tờ cá nhân của bị cáo Hồ Minh N: 01 cái bóp da màu đen đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân số 079073005814 cấp ngày 07/07/2017, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Các loại vật chứng được quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/04/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Căn cứ Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Hồ Minh N giao nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và tịch thu sung công quỹ nhà nước

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hồ Minh N, Trần Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/11/2021) để yêu cầu Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Văn phòng CSĐT;
- Phòng CSĐT;
- Cục THA.DS tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Phòng KTNVTTHA;
- PV 06;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng;
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hoàng